

KHẢO SÁT CÁC ĐƠN VỊ THÀNH NGỮ TRONG MỘT SỐ TIỂU THUYẾT CỦA HỒ BIỂU CHÁNH

Phan Quan Thông
ĐHSP Ngữ văn 07, Đại học Tiền Giang

Hồ Biểu Chánh (1885 – 1958) là tác giả có nhiều đóng góp cho văn học Việt Nam hiện đại, đặc biệt trên lĩnh vực tiểu thuyết. Đóng góp quan trọng nhất của ông cho nền văn học Việt Nam giai đoạn này là sự cách tân trong ngôn ngữ tiểu thuyết. Một trong những yếu tố đã làm nên sự cách tân đó chính là cách vận dụng linh hoạt và sáng tạo thành ngữ - lời ăn tiếng nói của quần chúng nhân dân, vốn ngôn ngữ phong phú và quý báu của dân tộc. Trong các tác phẩm của mình, Hồ Biểu Chánh đã vận dụng khá thành công thành ngữ vào việc khắc họa hình ảnh con người Nam Bộ, miêu tả hiện thực cuộc sống những năm đầu thế kỷ XX. Đã có nhiều công trình về tác giả Hồ Biểu Chánh cùng những quyển tiểu thuyết của ông nhưng cho đến nay vẫn chưa có công trình chuyên sâu nào nghiên cứu về cách sử dụng thành ngữ của Hồ Biểu Chánh.

1. Phân loại hệ thống các đơn vị thành ngữ trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh

Có nhiều định nghĩa khác nhau về thành ngữ. Mỗi định nghĩa lại chú trọng đến một khía cạnh nào đó của thành ngữ. Để tiện làm việc, trong đề tài này, chúng tôi cũng xin đưa ra một định nghĩa về thành ngữ. Chúng tôi quan niệm *thành ngữ là những cụm từ cố định về hình thái cấu trúc, có tính hoàn chỉnh về nghĩa và mang sắc thái biểu cảm cao.*

Thành ngữ là một yếu tố có số lượng cũng như phạm vi sử dụng hạn chế hơn các yếu tố khác của ngôn ngữ. Tuy nhiên, thành ngữ lại là một trong những yếu tố hết sức đặc biệt của ngôn ngữ dân tộc. Bằng việc chọn hướng tiếp cận của ngôn ngữ học, trên cơ sở khảo sát và thống kê, chúng tôi muốn đi vào tìm hiểu những đặc trưng loại hình cũng như đặc trưng ngữ pháp của các đơn vị thành ngữ xuất hiện trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Không dừng lại ở đây, chúng tôi còn cố gắng làm rõ phong cách nghệ thuật cũng như sự sáng tạo của nhà văn trong việc sử dụng thành ngữ, góp phần vào việc nghiên cứu đặc trưng phong cách ngôn ngữ tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh.

Thành ngữ Tiếng Việt nói chung thường được chia thành 2 loại lớn đó là thành ngữ đối xứng và thành ngữ phi đối xứng hay còn được gọi là thành ngữ ẩn dụ hoá đối xứng và thành ngữ ẩn dụ hoá phi đối xứng. Trong mỗi loại lại chia thành nhiều dạng nhỏ hơn, chủ yếu là được phân chia theo đặc trưng ngữ pháp, đặc biệt là các mô hình ngữ pháp. Chúng tôi sẽ áp dụng cách phân loại này để phân loại và phân tích hệ thống các thành ngữ xuất hiện trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh.

Đề tài đã thống kê được 713 đơn vị thành ngữ (bao gồm các thành ngữ ở dạng nguyên mẫu và các thành ngữ ở dạng cải biến) trên cứ liệu 32/64 quyển tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Việc thống kê này dựa trên cơ sở ngôn ngữ học và môtip thành ngữ Việt Nam. Chúng tôi tiến hành phân loại hệ thống các thành ngữ thống kê được theo cấu trúc cú pháp trong mối quan hệ với từ loại. Kết quả phân loại các đơn vị thành ngữ xuất hiện trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh có thể tóm tắt qua bảng sau:

Thành ngữ đối xứng 658/713 (92,29%)							Thành ngữ phi đối xứng 55/713 (7,71%)			
							Thành ngữ so sánh 15/713 (2,1%)		Thành ngữ miêu tả 40/713 (5,61%)	
XY - X'Y'	XA - X'A'	DX - D'X '	DA - D'A'	XD - X'D '	AX - A'X'	AB - A'B'	+ X như A + X như CVB + như CVB + như A như B + A như CV	Ngữ vị từ	Ngữ dan h từ	Kết cấu CVB
14,29 %	59,12 %	0,46 %	1,37 %	0,3 %	17,9 3%	6,53 %		37,5 %	5 %	57,5%

Từ kết quả khảo sát, thống kê và phân loại này, chúng ta có thể thấy Hồ Biểu Chánh đã sử dụng rộng rãi các đơn vị thành ngữ trong sáng tác tiểu thuyết. Ông đặc biệt ưa thích sử dụng loại thành ngữ đối xứng với số lượng đáng ghi nhận 658/713 thành ngữ, chiếm 92,29%. Các đơn vị thành ngữ so sánh và thành ngữ miêu tả xuất hiện không nhiều trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Tuy nhiên, tác giả vẫn tạo được những nét rất riêng trong cách sử dụng của mình. Với số lượng thành ngữ thống kê được và qua sự phân loại khái quát, chúng tôi hy vọng sẽ đem đến cái nhìn mới mẻ và cụ thể hơn về những đơn vị thành ngữ xuất hiện trong tiểu thuyết của nhà văn Hồ Biểu Chánh.

2. Đặc điểm sử dụng thành ngữ tiếng Việt của Hồ Biểu Chánh trong sáng tác tiểu thuyết

Thành ngữ bắt nguồn từ lời ăn tiếng nói của nhân dân lao động. Chính vì thế sử dụng thành ngữ trong sáng tác văn chương sẽ làm cho tác phẩm trở nên gần gũi, bình dân và giản dị hơn, góp phần đưa tác phẩm đến gần với công chúng hơn. Hồ Biểu Chánh đã ý thức được điều này. Do đó, bên cạnh việc sử dụng phương ngữ Nam Bộ, Hồ Biểu Chánh có chú ý sử dụng thành ngữ trong sáng tác tiểu thuyết. Thành ngữ trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh không chỉ xuất hiện ở dạng nguyên mẫu mà nó còn được tác giả cải biến ở nhiều dạng khác nhau tạo nên sự phong phú và sinh động trong cách sử dụng. Bên cạnh đó, việc sử dụng đan xen, hài hoà giữa thành ngữ gốc Hán và thành ngữ thuần Việt làm cho ngôn ngữ tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh vừa bình dân, hiện đại cũng vừa bác học, cổ kính.

2.1. Vận dụng tối đa thành ngữ trong sáng tác tiểu thuyết

Là một người dân của vùng đất Nam Bộ, xuất thân từ gia đình nông dân nghèo khó nên Hồ Biểu Chánh đã sớm có điều kiện tiếp thu vốn thành ngữ - lời ăn tiếng nói nôm na, bình dị nhưng không kém phần tạo hình và biểu cảm của nhân dân lao động. Cuộc đời làm quan có dịp đi khắp các tỉnh miền Nam kỳ từ Sài Gòn (Gia Định), Mỹ Tho (Định Tường) đến Vĩnh Long, Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau... ; tiếp xúc với nhiều đối tượng từ trí thức thượng lưu (thông ngôn ký lục, ông Phủ, ông Huyện, Hội đồng, nghiệp chủ, hương chức, hội tề...) đến các tầng lớp tận cùng của xã hội (tá điền tá thổ, thợ thuyền, gái điếm, trẻ lang thang...) đã tạo

điều kiện cho tác giả học tập và tiếp thu những tinh hoa ngôn ngữ của nhân dân lao động vùng đất Nam Bộ. Đây chính là những yếu tố then chốt góp phần tạo nên sự đa dạng và sinh động cho kho tàng thành ngữ của Hồ Biểu Chánh.

Không những thế, với ý thức hướng về cuộc sống, hướng về nhân dân lao động, Hồ Biểu Chánh còn không ngừng học hỏi, tăng cường tiếp thu vốn thành ngữ dân tộc bằng những chuyến đi “*thực tế*” của mình. Tạp chí Văn – Thành phố Hồ Chí Minh (Số 1, 1988) kể lại rằng để vốn sống không bị nghèo nàn, dù làm đến chức Đốc phủ sứ nhưng Hồ Biểu Chánh vẫn tự mình sắm một chiếc xe thổ mộ để ngày chủ nhật tự đánh xe chở khách. Mục đích không phải là kiếm thêm tiền mà nhằm quan sát, lắng nghe, thu thập chuyện đời, nhất là lời ăn tiếng nói của quần chúng nhân dân. Nhờ vậy ông luôn có được sự tích lũy vốn từ ngữ bình dân, đặc biệt là thành ngữ.

Ngoài ra, Hồ Biểu Chánh còn thể hiện sự quan tâm đặc biệt của mình đối với thành ngữ. Sau một quá trình học hỏi, thu thập, tìm hiểu, ông đã cho ra đời tập khảo cứu “*Thành ngữ tạp lục*” (1948). Đây có thể được xem như là quyển “*từ điển thành ngữ*” mà Hồ Biểu Chánh đã đúc kết được từ thực tiễn qua việc tiếp thu lời ăn tiếng nói của nhân dân lao động và vốn thành ngữ gốc Hán từ các sách Nho học. Đối với Hồ Biểu Chánh, thành ngữ không chỉ đơn thuần là một đơn vị ngôn ngữ mà nó đã trở thành một đối tượng nghiên cứu, một công cụ hỗ trợ đắc lực cho nhà văn trong quá trình sáng tác tiểu thuyết.

Hồ Biểu Chánh sử dụng rất đa dạng và linh hoạt các thành ngữ trong sáng tác tiểu thuyết. Đây là những thành ngữ thông dụng trong ngôn ngữ đại chúng miền Nam: *tan xương nát thịt, sóng dập gió dồi, trôi sông lạc chợ, no cơm ấm áo, mặt dạn mày dày, lên xe xuống ngựa, ngậm đắng nuốt cay, đủ lông đủ cánh, chịu đấm ăn xôi...*

Ví dụ: “...Thưa chúa tàu, em mang ơn chúa tàu tế độ, **cải tử hoàn sanh**, mà lại còn chiếu cố làm ơn cho em **no cơm ấm áo**, em chẳng biết làm sao mà đền bồi ơn ấy cho được.” (Chúa tàu Kim Quy, tr 162).

Tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh thường phản ánh hình tượng của con người “*Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa*”. Cũng vì vậy mà chúng ta thấy trong tiểu thuyết của ông thường xuất hiện nhiều hành động, quan niệm đạo lý, đạo nghĩa, xem việc cứu người làm trọng, làm ơn không mong người trả ơn... Quan niệm ấy được Hồ Biểu Chánh thể hiện trong lời nói, đặc biệt là trong các văn cảnh cần thể hiện tấm lòng đạo nghĩa, sự tri ân của các nhân vật. Chính vì thế, thành ngữ xuất hiện với tần số cao trong các văn cảnh này cả ở dạng nguyên mẫu và cải biến. Chẳng hạn, khi Chí Đại bày tỏ lòng mình với Bạch Tuyết, Hồ Biểu Chánh viết:

“Còn một điều này lấy làm khổ cho cô nữa; cô vốn con nhà sang trọng. Thuở nay ăn **no ngủ kỹ**, vào ra **kẻ dạ người thua**, phận tôi **nghèo nàn hèn hạ**, cô kết tóc với tôi sợ e cô phải **dầm sương gội nắng** cực khổ thân cô.” (Ai làm được, tr 96 - 97)

Không chỉ vận dụng thành ngữ vào trong lời nói của các nhân vật, Hồ Biểu Chánh còn sử dụng thành ngữ trong lời văn của mình. Ở những đoạn văn miêu tả tâm trạng nhân vật, tác giả vận dụng thành ngữ một cách hợp lý, giúp cho độc giả nắm được tâm lý của nhân vật ngay lúc ấy. Chẳng hạn, đoạn Hồ Biểu Chánh miêu tả tâm trạng của thằng Được trước lúc rời khỏi quê hương theo thầy Đàng lang bạt suốt mấy năm trời trong tác phẩm “*Cay đắng mùi đời*”:

“Thằng Được trong lòng quận **đau như dao cắt**, trong trí bời **rối như tơ vò**, bởi vậy cho nên chon thì đi, mất thì khóc, mặt thì ngó lại hoài, làm cho người đi chợ họ gặp ai cũng lấy làm kỳ, có người biết nó kêu hỏi nó đi đâu nó cũng không nói.” (Cay đắng mùi đời, tr 53)

Ngay cả những đoạn bình luận ngoại đề, Hồ Biểu Chánh cũng sử dụng thành ngữ làm cho quan điểm cần bộc lộ của tác giả trở nên gần gũi, bình dị và có sức thuyết phục hơn. Chẳng hạn một đoạn bình luận của tác giả trong “*Tơ hồng vương vấn*”:

“Người có danh thường hay thận trọng, dẫu danh lớn hay nhỏ cũng vậy, phải lo giữ gìn củng cố; không chịu để cho người ta chê **“hữu danh vô thiệt”**, phải làm sao cho người ta công nhận **“danh bất hư truyền”**” (Tơ hồng vương vấn, tập 1, tr 232)

Một điểm khá thú vị nữa trong cách sử dụng thành ngữ của Hồ Biểu Chánh là tác giả thường sử dụng thành ngữ để đặt tên cho các phần, các chương của tác phẩm. Chỉ sử dụng một thành ngữ nhưng tác giả lại có thể thu tóm nội dung của từng chương, từng phần trong tác phẩm.

Ví dụ: Tiểu thuyết “*Chúa tàu Kim Quy*” gồm 2 phần: phần 1 “*Gió dập sóng đời*”, phần 2 “*Ơn đền oán trả*”. Hay tiểu thuyết “*Ngọn cỏ gió đùa*” có các phần được đặt tên bằng các thành ngữ: “*Nắng táp mưa sa*”, “*Đường ngay nẻo vạy*”, “*Nghĩa nặng tình sâu*” ...

2.2. Cải biến thành ngữ

Bên cạnh những những thành ngữ ở dạng nguyên mẫu, Hồ Biểu Chánh còn sử dụng những thành ngữ ở dạng cải biến. Nó thể hiện nét riêng trong sự vận dụng của Hồ Biểu Chánh và mang đậm dấu ấn Nam Bộ. Trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, những thành ngữ cải biến gồm ba dạng: *cải biến ngữ âm*, *cải biến từ vựng* và *cải biến cấu trúc*.

2.2.1. Cải biến ngữ âm

Thành phần ngữ âm được cải biến chủ yếu là theo cách phát âm của phương ngữ Nam Bộ. Những biến thể ngữ âm này thường diễn ra ở bộ phận âm chính và thường là hiện tượng rút ngắn độ mở của nguyên âm.

Ví dụ: “*Tôi tu nhon tích đức không muốn sanh sự.*” (Ai làm được, tr 156)

“...*Thưa chúa tàu, em mang ơn chúa tàu tế độ, cải tử huồn sanh, mà lại còn chiếu cố làm ơn cho em no cơm ấm áo, em chẳng biết làm sao mà đền bồi ơn ấy cho được.*” (Chúa tàu Kim Quy, tr 162)

Chúng tôi còn thống kê được một vài thành ngữ mà sự biến âm diễn ra đến hai lần. Chẳng hạn, thành ngữ “*một cảnh hai quê*” có thành ngữ ở dạng nguyên mẫu là “*một cảnh hai hoa*”. Do sự cải biến ngữ âm ở bộ phận âm chính, thành ngữ trở thành “*một cảnh hai huê*”. Với cách phát âm của người miền Nam, “*huê*” biến thành “*quê*”. Vì thế, chúng ta có thành ngữ “*một cảnh hai quê*”. Có nhận biết được quy tắc cải biến ngữ âm này, chúng ta mới có thể hiểu chính xác nghĩa của thành ngữ này.

2.2.2. Cải biến từ vựng

Bên cạnh việc sử dụng phương thức cải biến ngữ âm, Hồ Biểu Chánh còn sử dụng rộng rãi phương thức cải biến từ vựng để “*làm mới*” những thành ngữ nguyên mẫu: *gheo nguyệt giơn hoa* (gheo nguyệt trên hoa), *chuột rút trong hũ nếp* (chuột sa hũ nếp), *dâm sương gôi nắng* (dâm sương dãi nắng), *xót ruột bầm gan* (bầm gan tím ruột), *nung khăn sửa trấp* (nung khăn sửa túi),...

Ví dụ: “Ba Thờ bốn tánh hà tiện... nuôi gà nuôi vịt trông cho nó lớn đặng bán... nay chông biểu thì xốt ruột bằm gan.” (Cay đắng mùi đời, trang 32)

Hồ Biểu Chánh áp dụng phương thức cải biến từ vựng đối với cả thành ngữ gốc Hán và thành ngữ thuần Việt. Chẳng hạn từ thành ngữ gốc Hán “Hồn xiêu phách lạc”, bằng phương thức cải biến từ vựng, ông đã tạo ra ba thành ngữ ở dạng biến thể “Hồn *phi* phách lạc”, “Hồn *phi* phách *tán*”, và “Hồn *tan* phách *tán*”.

Ví dụ, miêu tả tâm trạng hoảng hốt của của Vương Thế Phụng về cái chết của cha, tác giả viết:

“Thế Phụng nghe nói **hồn phi phách lạc**, chàng chạy a vô nhà, thấy trên cái chõng có một một người nằm đắp một chiếc chiếu cũ sùm sụp; chàng bèn giở chiếu ra, thấy cha nằm giữa thiêm thiếp như ngủ, thì thò tay choàng ngang ngực ôm cha mà khóc rống lên, nghe rất thảm thiết.” (Ngọn cỏ gió đùa, tr 430).

Ngoài việc cải biến các yếu tố thuộc cấu trúc thành ngữ, Hồ Biểu Chánh còn thêm một vài yếu tố đệm vào thành ngữ gốc. Điều này khiến cho các thành ngữ được lồng vào cách diễn đạt của tác giả. Sự đan xen này giúp cho việc sử dụng thành ngữ trở nên tự nhiên và bình dị hơn. Ví dụ: của thiên *trả* cho địa, liệu cơm *mà* gấp mắm, thấy nước đục *vội vã* thả câu,...

Chẳng hạn, khi diễn đạt nhận xét của ông Minh Giám về hành vi của những bọn thừa cơ hội trục lợi như quân tướng Lý Tài, tác giả đã lồng thành ngữ “*thừa nước đục thả câu*” vào lời nói của ông Minh Giám làm cho cách diễn đạt được tự nhiên, mà lời đánh giá của nhân vật cũng có tình có lý:

“Dân ta không phải chung một chủng tộc với chúng, thế thì làm sao mà chúng chinh phục được nhon tâm. Nước ta không phải là quê hương của chúng, chắc gì chúng thành thiệt yêu thương đất nước này nên gấn công bình định cho quốc thái dân an. **Chúng thấy nước đục vội vã thả câu**. Thả bên Tây Sơn kiếm chút đỉnh cá rồi, có vốn chúng mới xây qua phía bên này tưởng có lẽ câu được cá lớn.” (Đỗ nương nương báo oán)

2.2.3. Cải biến cấu trúc

Phương thức cải biến cấu trúc được Hồ Biểu Chánh thường xuyên sử dụng đối với những thành ngữ đối xứng. Những thành ngữ này bao gồm hai vế đối ngẫu và có cấu trúc như nhau tạo nên sự cân xứng, hài hoà cho thành ngữ. Do đó, để cải biến cấu trúc loại thành ngữ này, Hồ Biểu Chánh đã sử dụng cách thay đổi trật tự hai vế, đảo cấu trúc hai vế cũng như hoán chuyển những thành tố đối xứng của mỗi vế cho nhau. Cách thức cải biến cấu trúc thành ngữ đối xứng của Hồ Biểu Chánh cũng dựa trên cơ thể cấu tạo của 7 mô hình ngữ pháp: $XY - X'Y'$, $XA - X'A'$, $DX - D'X'$, $DA - D'A'$, $XD - X'D'$, $AX - A'X'$, $AB - A'B'$.

Gọi “1-2 + 3-4” là cấu trúc cơ sở của loại thành ngữ đối xứng gồm hai vế, bốn yếu tố. Trong đó 1-2 và 3-4 là hai vế của thành ngữ; yếu tố 1 và 3, 2 và 4 là hai cặp đối xứng nhau về từ vựng, ngữ nghĩa, cùng trường nghĩa hẹp. Ngoài ra, hai yếu tố 1 và 3 có thể đồng nhất với nhau.

2.2.3.1. Phương thức thay đổi trật tự hai vế thành ngữ

Ở phương thức này, hai vế của thành ngữ gốc sẽ được đảo ngược từ “1-2 + 3-4” thành “3-4 + 1-2”. Như vậy, thành ngữ cải biến chỉ khác với thành ngữ gốc ở chỗ nó bị đảo ngược và “lạ tai” so với thành ngữ gốc đã được sử dụng phổ biến. Chính vì thế, phương thức thay đổi trật

tự hai vế tạo nên nét mới cho thành ngữ cải biến về mặt sắp xếp từ vựng tuy nhiên về mặt cấu trúc ngữ pháp thành ngữ vẫn không thay đổi mà trái lại nó còn thể hiện sinh động tính đối xứng giữa hai vế của thành ngữ đối xứng. Kết quả khảo sát cho thấy đối trật tự hai vế của thành ngữ gốc là cách thức được sử dụng nhiều nhất khi Hồ Biểu Chánh cải biến các thành ngữ nguyên mẫu.

Ví dụ: *bại sản tán gia (tán gia bại sản), hiệp lực đồng tâm (đồng tâm hiệp lực), ngàn tú muôn chung (muôn chung nghìn tú) ...*

2.2.3.2. Phương thức đảo cấu trúc hai vế thành ngữ

Ở phương thức này, sự cải biến không diễn ra ở cấp độ liên vế mà chỉ xảy ra ở nội bộ mỗi vế. Do tính chất đối xứng nên khi một trong hai vế có sự thay đổi cấu trúc, vế còn lại cũng thay đổi theo. Thành ngữ ở dạng cải biến có sự thay đổi về mặt cấu trúc ngữ pháp. Do đó, nó sẽ thuộc vào một mô hình ngữ pháp khác với thành ngữ gốc. Đây chính là điểm khác biệt lớn nhất của phương thức đảo cấu trúc hai vế thành ngữ so với hai phương thức còn lại. Cụ thể, sau khi đảo cấu trúc hai vế, thành ngữ gốc “1-2 + 3-4” trở thành “2-1 + 4-3”. Loại thành ngữ cải biến thuộc phương thức này xuất hiện không nhiều trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh.

Ví dụ: *đương môn đôi hộ (môn đấng hộ đôi), ủ mặt châu mây (mặt ủ mây châu), phong thuần tục mỹ (thuần phong mỹ tục)...*

2.2.3.3. Phương thức hoán chuyển thành tố giữa hai vế thành ngữ

Phương thức cải biến này giữ nguyên vị trí của hai thành tố 1 và 3. Sự hoán chuyển chỉ xảy ra đối với hai thành tố 2 và 4. Sau khi cải biến bằng cách hoán chuyển thành tố, thành ngữ gốc “1-2 + 3-4” sẽ có mô hình “1-4 + 3-2”. Phương thức cải biến này hầu như chẳng ảnh hưởng gì đến cấu trúc ngữ pháp của thành ngữ gốc mà trái lại nó còn thể hiện rõ nét tính đối xứng giữa các thành tố trong loại thành ngữ đối xứng. Trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, thành ngữ thuộc phương thức cải biến có số lượng tương đối ít.

Ví dụ: *hẹn biển thề non (hẹn non thề biển), sớm đào tối mặn (sớm mặn tối đào), tình cũ nghĩa xưa (tình xưa nghĩa cũ)...*

Ngoài ba phương thức trên, trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy có một vài thành ngữ cải biến là kết quả của sự kết hợp hai trong số ba phương thức cải biến trên. Ví dụ, thành ngữ “Châu mây ủ mặt” bắt nguồn từ thành ngữ “Mặt ủ mây châu”. Bằng phương thức hoán chuyển thành tố giữa hai vế, thành ngữ gốc “Mặt ủ mây châu” (AX – A’X’) chuyển thành “Ủ mặt châu mây” (XA – X’A’). Bằng chứng là thành ngữ “Ủ mặt châu mây” nằm trong 713 thành ngữ mà chúng tôi thống kê được. Không dừng lại ở đây, thành ngữ “Ủ mặt châu mây” (XA – X’A’) tiếp tục được cải biến. Bằng phương thức thay đổi vị trí hai vế của thành ngữ “Ủ mặt châu mây” (XA – X’A’) biến thành “Châu mây ủ mặt” (X’A’ – XA). Như vậy, qua hai lần cải biến, thành ngữ gốc “Mặt ủ mây châu” (AX – A’X’) có thành ngữ cải biến “bậc 2”: “Châu mây ủ mặt” (X’A’ – XA). Điều này cũng có nghĩa là, từ một thành ngữ gốc, Hồ Biểu Chánh đã tạo ra 2 thành ngữ ở dạng cải biến.

Trong ba con đường cải biến thành ngữ (ngữ âm, từ vựng, cấu trúc), cải biến từ vựng và cấu trúc là hai phương thức thể hiện rõ nhất sự sáng tạo của Hồ Biểu Chánh trong cách vận dụng thành ngữ. Bởi lẽ, cải biến ngữ âm thuộc về đặc điểm của phương ngữ Nam Bộ. Hồ Biểu Chánh là một cư dân của vùng đất Nam Bộ do vậy việc sử dụng những thành ngữ ở

dạng biến thể ngữ âm là một điều tất yếu. Tuy vậy, việc sử dụng đan xen giữa thành ngữ nguyên mẫu và thành ngữ cải biến ngữ âm cũng cho thấy ý thức sử dụng thành ngữ của Hồ Biểu Chánh: đa dạng hoá và sinh động hoá vốn ngôn ngữ của dân tộc.

Chúng tôi nhận thấy, Hồ Biểu Chánh nhận thức sâu sắc được tác dụng của việc cải biến từ vựng cũng như cải biến cấu trúc để tạo nên thành ngữ ở dạng biến thể. Trong cùng một tác phẩm, thậm chí trong một đoạn ngắn, tác giả đã có sự thay đổi cấu trúc cũng như từ vựng của những thành ngữ đã được sử dụng phía trước. Đây chính là cách thức để tránh lặp lại một cách đơn điệu cũng như tạo nên sự sinh động, linh hoạt cho ngôn ngữ sử dụng.

Ví dụ: *“Bà Mậu vì nghĩa cũ tình xưa nên bà xúc động đã đành, thậm chí mẹ con cô Thanh không quen biết vợ chồng Phận, nhưng nghe diễn tả thảm trạng của gia đình nghèo mà đông con hai mẹ con cô cũng mất hết vui. (...)*

Tình xưa nghĩa cũ được tái hiệp một nhà.(...)

Không phải vì tình cũ nghĩa xưa xô đẩy, nên bà muốn kiếm ông Phận dựng trở về với ông.”

(Những điều nghe thấy, tập 3, tr 45, 68, 72)

3. Kết luận

Việc sử dụng thành ngữ trong sáng tác tiểu thuyết là một trong những nét đặc trưng trong phong cách ngôn ngữ của Hồ Biểu Chánh. Với số lượng 713 thành ngữ thống kê được ở 32 tiểu thuyết, chúng tôi có thể khẳng định rằng khó có thể có nhà văn nào có khả năng vận dụng thành ngữ đa dạng và sung mãn như vậy. Không những thế, với nhà văn Hồ Biểu Chánh, việc sử dụng thành ngữ đã trở thành một phong cách trong sáng tác tiểu thuyết. Dưới ngòi bút của tác giả, các thành ngữ vốn là những đơn vị có giá trị biểu cảm và mang tính cố định càng trở nên dễ hiểu và đạt hiệu quả cao nhất trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của mình đối với người nghe, người đọc.

Thành ngữ đã trở thành một trong những yếu tố tạo cho câu văn xuôi của Hồ Biểu Chánh thêm phần hấp dẫn, thú vị và có sức thuyết phục cao; góp phần không nhỏ trong việc biểu đạt tình cảm, ghi lại cuộc sống của người Nam Bộ. Cách vận dụng thành ngữ của tác giả rất linh hoạt, hợp lí, không gò bó và với nhiều hình thức khác nhau. Hồ Biểu Chánh không chỉ vận dụng những thành ngữ ở dạng nguyên mẫu mà còn gia công cải biến bằng các phương thức ngữ âm, từ vựng, cấu trúc. Bên cạnh đó, sự đan xen hài hoà giữa việc sử dụng thành ngữ thuần Việt và thành ngữ gốc Hán góp phần làm cho văn Hồ Biểu Chánh vừa hiện đại vừa truyền thống, vừa bình dân vừa bác học. Tuy nhiên, việc sử dụng thành ngữ thuần Việt vẫn là nét chủ đạo trong phong cách của Hồ Biểu Chánh. Cách sử dụng thành ngữ thuần Việt của Hồ Biểu Chánh mang đậm dấu ấn của văn hoá Nam Bộ, của ngôn ngữ miền Nam kỳ lục tỉnh những năm đầu thế kỷ XX. Ngày nay, tuy một số thành phần ngôn ngữ này đã trở nên lỗi thời và khó hiểu nhưng nó đã góp phần ghi lại sự hình thành và phát triển của phương ngữ Nam Bộ cũng như chữ Quốc ngữ trong thời kỳ đầu với đầy những biến động.

Kết quả nghiên cứu của đề tài một mặt khẳng định phong cách sử dụng thành ngữ tiếng Việt của nhà văn Hồ Biểu Chánh. Mặt khác, bằng việc làm rõ sự sáng tạo của tác giả trong vận dụng và cải biến thành ngữ, đề tài còn góp phần khẳng định những đóng góp to lớn của Hồ Biểu Chánh đối với kho tàng ngôn ngữ dân tộc. Hồ Biểu Chánh một mặt đã góp

phần làm giàu lời ăn tiếng nói của nhân dân, một mặt đã góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Đó cũng chính là giữ gìn bản sắc, tinh hoa của ngôn ngữ dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp, 1978.
2. Nguyễn Thiện Giáp, *Về khái niệm thành ngữ tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3 – 1973.
3. Hoàng Văn Hành (chủ biên), *Kể chuyện biệt thành ngữ - tục ngữ*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002 (1988).
4. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Khoa học Xã hội, 2004.
5. Nguyễn Văn Hằng: *Thành ngữ bốn yếu tố trong tiếng Việt hiện đại (Những đặc điểm về cấu trúc và ngữ nghĩa)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.
6. Châu Minh Hiền, *Đặc điểm khẩu ngữ Nam Bộ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2002.
7. Nguyễn Khuê, *Chân dung Hồ Biểu Chánh*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1998.
8. Trần Thị Ngọc Lang, *Phương ngữ Nam Bộ - những khác biệt về từ vựng – ngữ nghĩa so với phương ngữ Bắc Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, 1995.
9. Hồ Lê, *Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại*, Hà Nội, Nxb. Khoa học Xã hội, 1976.
10. Nguyễn Lục – Lương Văn Đang, *Thành ngữ tiếng Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978.
11. Triều Nguyên, *Khảo luận về tục ngữ người Việt*, Nxb Giáo Dục, 2006.
12. Huỳnh Thị Lan Phương, Nguyễn Văn Nò, *Vài nét về phong cách ngôn ngữ tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh*, www.hobieuchanh.com.
13. Hoàng Quốc, *Một vài đặc điểm ngôn ngữ của thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2003.
14. Huỳnh Công Tín, *Từ điển Từ ngữ Nam Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, 2007.
15. Cù Đình Tú, *Góp ý kiến về việc phân biệt thành ngữ với tục ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 1, 1976.
16. Nguyễn Văn Y - Trần Hữu Tá - Hoài Anh - Vũ Ngọc Phan và nhiều tác giả khác, *Hồ Biểu Chánh người mở đường cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*, Nxb Văn Nghệ, 2006.
17. Nguyễn Như Ý (chủ biên), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo Dục, 2003.
18. Nguyễn Như Ý (chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, *Từ điển thành ngữ học sinh*, Tái bản lần thứ sáu, Nxb Giáo Dục, 2009.

Nguồn: Tạp chí Ngôn ngữ số 9-2011